TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 27/4/2020
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước

Bà Võ Ngọc Các

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21a/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng T**.

Địa chỉ: Lầu 8 Số 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Sĩ K,** Chức vụ: Nhân viên của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 004/2020/UQ-TTT ngày 31/01/2020). (có mặt).

Địa chỉ: Số 30 đường Đ, phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Duy H**, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 132/16 đường Đ, khóm H, phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Sĩ K trình bày:

Ngày 25/7/2013 ông Nguyễn Duy H có ký với Ngân hàng – Chi nhánh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-2818 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Sau một thời gian sử dụng đến ngày 30/03/2014, ông H có đăng ký thêm thẻ JCB Motor Card Classic 356480-7840 với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 75.503.587 đồng. Cụ thể thẻ Visa Credit Classic 472074-2818 là 39.808.812 đồng, thẻ JCB Motor Card Classic 356480-7840 là 35.694.775 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 90.160.000 đồng (thẻ Visa Credit Classic 472074-2818 là 48.470.000 đồng, thẻ JCB Motor Card Classic 356480-7840 là 41.690.000 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 06/9/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 20/8/2019 ông H còn nợ số tiền 24.622.359 đồng, cụ thể như sau:

+ Thẻ Visa Credit Classic 472074-2818: Nợ gốc: 8.581.991 đồng, lãi quá hạn: 3.219.874 đồng. Dư nợ: 11.801.865 đồng (3.225%)

+ Thẻ JCB Motor Card Classic 356480-7840: Nợ gốc: 8.926.352 đồng, lãi quá hạn: 3.894.142 đồng. Dư nợ: 12.820.494 đồng (3.75%)

Tổng cộng là 24.622.359 đồng, trong đó: Nợ gốc: 17.508.343 đồng, lãi quá hạn: 7.114.016 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Duy H phải trả cho Ngân hàng T tạm tính đến ngày 27/4/2020 số tiền là 29.738.743 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 17.508.343 đồng.

+ Lãi quá hạn: 12.230.400 đồng.

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/4/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Duy H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72, 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu sau: Bản sao chứng thực giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/7/2013; bản chính tóm tắt sao kê ngày 20/8/2019; ngày 23/4/2020 Nguyễn Duy H – CMND 365706712 số thẻ 472074-2818; bản chính tóm tắt sao kê ngày 20/8/2019; ngày 23/4/2020 Nguyễn Duy H – CMND 365706712 số thẻ 356480-7840.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Duy H không phản đối những tình tiết, sự kiện tài liệu mà Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2019 Ngân hàng ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Duy H theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/7/2013 là Số 132/16 đường Đ, khóm H, phường H, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi thu lý vụ án Tòa án không tống

đạt được thông báo thu lý vụ án cho ông H do ông H không còn cư trú tại địa chỉ này nhưng ông H không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng và ông H có giao kết bản sao chứng thực giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/7/2013 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực ngày 13/7/2012 với nội dung Ngân hàng cấp cho ông H thẻ tín dụng có hạn mức 20.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi quá hạn 3,75%/tháng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 75.503.587 đồng. Cụ thể thẻ Visa Credit Classic 472074-2818 là 39.808.812 đồng, thẻ JCB Motor Card Classic 356480-7840 là 35.694.775 đồng thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 90.160.000 đồng (thẻ Visa Credit Classic 472074-2818 là 48.470.000 đồng, thẻ JCB Motor Card Classic 356480-7840 là 41.690.000 đồng) còn nợ lại tổng cộng 29.738.743 đồng, trong đó: nợ gốc: 17.508.343 đồng; lãi quá hạn: 12.230.400 đồng.

[4] Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ phù hợp với thỏa thuận tại các Điều 2, 18, 19, 20, 22, 23, 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng của Ngân hàng và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định.

[5] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí. Bị đơn ông Nguyễn Duy H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.486.937 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 95, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Duy H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng là 29.738.743 đồng, trong đó: nợ gốc: 17.508.343 đồng; lãi quá hạn: 12.230.4000 đồng.

Kể từ ngày 28/4/2020 ông Nguyễn Duy H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 615.000 đồng theo biên lai thu số 0001537 ngày 18/12/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Nguyễn Duy H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 1.486.937 đồng

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSNDTP Sóc Trăng;*
- *Chi cục THADS TP Sóc Trăng;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lý Bích Khiếm